Việc tổng hợp và tạo các bảng Capacity Plan chi tiết cùng với hướng dẫn quản lý là rất quan trọng để đảm bảo dự án vận hành trơn tru, đặc biệt với yêu cầu về tính chính xác cao của công ty Nhật Bản.

Dưới đây là 3 bảng Capacity đã được tổng hợp và các hướng dẫn chi tiết đi kèm.

## I. Tổng hợp 3 Bảng Capacity Plan

Các bảng dưới đây sử dụng cùng mức độ chi tiết, gộp chung các vị trí thành các cột để dễ so sánh, và thêm cột tỷ lệ (%) trên tổng 40 giờ/tuần.

### 1. 👑 Bảng Master Schedule - **Kế hoạch An toàn (Dành cho PM)**

Mục đích: Sử dụng con số này để lập kế hoạch tổng thể (Master Schedule) và đưa ra cam kết an toàn (Conservative Commitment) với khách hàng/cấp trên.

(Cơ sở: Buffer 15%, Hỗ trợ Quản lý PL 5%)

| **Hạng mục** | **PG/QC (Middle/Senior)** | **PL (Leader)** | **PG/QC Tỷ lệ (%)** | **PL Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Tổng giờ làm việc** | **40.0h** | **40.0h** | **100.0%** | **100.0%** |
|  |  |  |  |  |
| **B. Hoạt động Cố định & Chung** |  |  |  |  |
| 1. Meeting chung (Daily, Review, etc.) | 3.0h | 3.0h | 7.5% | 7.5% |
| 2. Tìm hiểu AI & Kaizen | 2.5h | 2.5h | 6.25% | 6.25% |
| **C. Hoạt động Lãnh đạo/Quản lý (Riêng PL)** |  |  |  |  |
| 3. Sprint Planning (Chuẩn bị/Thực hiện) | 0.0h | 1.5h | 0.0% | 3.75% |
| 4. Điều chỉnh Task/Phân bổ | 0.0h | 0.5h | 0.0% | 1.25% |
| 5. Hỗ trợ PM & Quản lý Team | 0.0h | **2.0h** | 0.0% | **5.0%** |
| **D. Dự phòng (Buffer/Overhead)** |  |  |  |  |
| 6. Hoạt động Phát sinh/Buffer | **6.0h** | **6.0h** | **15.0%** | **15.0%** |
| **E. TỔNG KHÔNG IMPLEMENT (B+C+D)** | **11.5h** | **15.5h** | **28.75%** | **38.75%** |
| **NET CAPACITY (Implement Task)** | **28.5h** | **24.5h** | **71.25%** | **61.25%** |

### 2. 📢 Bảng Capacity - **Mục tiêu Công bố (Dành cho Team)**

Mục đích: Đặt ra mục tiêu hiệu suất cao để thúc đẩy team (Capacity gần với $30 \sim 31$h và $27 \sim 28$h). Đây là con số bạn nên công bố cho team để lập kế hoạch sprint.

(Cơ sở: Buffer 10%, Hỗ trợ Quản lý PL 2.5%)

| **Hạng mục** | **PG/QC (Middle/Senior)** | **PL (Leader)** | **PG/QC Tỷ lệ (%)** | **PL Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Tổng giờ làm việc** | **40.0h** | **40.0h** | **100.0%** | **100.0%** |
|  |  |  |  |  |
| **B. Hoạt động Cố định & Chung** |  |  |  |  |
| 1. Meeting chung (Daily, Review, etc.) | 3.0h | 3.0h | 7.5% | 7.5% |
| 2. Tìm hiểu AI & Kaizen | 2.5h | 2.5h | 6.25% | 6.25% |
| **C. Hoạt động Lãnh đạo/Quản lý (Riêng PL)** |  |  |  |  |
| 3. Sprint Planning (Chuẩn bị/Thực hiện) | 0.0h | 1.5h | 0.0% | 3.75% |
| 4. Điều chỉnh Task/Phân bổ | 0.0h | 0.5h | 0.0% | 1.25% |
| 5. Hỗ trợ PM & Quản lý Team | 0.0h | **1.0h** | 0.0% | **2.5%** |
| **D. Dự phòng (Buffer/Overhead)** |  |  |  |  |
| 6. Hoạt động Phát sinh/Buffer | **4.0h** | **4.0h** | **10.0%** | **10.0%** |
| **E. TỔNG KHÔNG IMPLEMENT (B+C+D)** | **9.5h** | **12.5h** | **23.75%** | **31.25%** |
| **NET CAPACITY (Implement Task)** | **30.5h** | **27.5h** | **76.25%** | **68.75%** |

### 3. ⚖️ Bảng Capacity Min-Max (Quản lý Rủi ro)

**Mục đích:** Xác định khoảng an toàn cho năng suất. **Nên cam kết không dưới mức 'Min' và không vượt quá mức 'Max'** (trừ trường hợp đặc biệt).

| **Hạng mục** | **PG/QC (Min: 20% Buffer)** | **PG/QC (Max: 10% Buffer)** | **PL (Min: 20% Buffer, 10% Quản lý)** | **PL (Max: 10% Buffer, 2.5% Quản lý)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng giờ làm việc** | 40.0h | 40.0h | 40.0h | 40.0h |
| **TỔNG CỐ ĐỊNH & LÃNH ĐẠO (Không Buffer)** | 5.5h | 5.5h | 9.0h | 7.0h |
| **Dự phòng (Buffer/Overhead)** | **8.0h** (20%) | **4.0h** (10%) | **8.0h** (20%) | **4.0h** (10%) |
| **TỔNG KHÔNG IMPLEMENT** | **13.5h** | **9.5h** | **17.0h** | **11.0h** |
| **NET CAPACITY (Implement Task)** | **26.5h** | **30.5h** | **23.0h** | **29.0h** |

## II. Hướng dẫn Chi tiết Quản lý Capacity Plan

### 1. ⚙️ Hướng dẫn Quản lý (Management Guide)

| **Hoạt động** | **Mô tả chi tiết** |
| --- | --- |
| **Lưu ý & Công bố** | **Chỉ công bố Bảng Mục tiêu (30.5h/27.5h) cho team.** Giải thích rõ $4.0\text{h}$ Buffer là dành cho *Hoạt động Phát sinh không cố định* (event, survey, nghiệp vụ không rõ ràng, 1-on-1). |
| **Monitoring (Giám sát)** | Theo dõi **Burn-down Chart** và **Velocity** (vận tốc) của team qua từng sprint. So sánh **Velocity thực tế** với **Capacity An toàn** ($28.5\text{h}/24.5\text{h}$) để điều chỉnh kế hoạch sprint tiếp theo. |
| **Action (Hành động đầu Sprint)** | **Trước Sprint Planning:** Lấy **Capacity Mục tiêu** ($\text{30.5h}/\text{27.5h}$) trừ đi thời gian của các hoạt động phát sinh **đã biết** (Nghỉ phép, Team building, Đào tạo bắt buộc, etc.). Kết quả là **Net Capacity thực tế** để cam kết task trong Sprint. |
| **Risk (Rủi ro chính)** | **Rủi ro quá tải PL:** Mức quản lý $2.0\text{h}$ (Bảng An toàn) hoặc $1.0\text{h}$ (Bảng Mục tiêu) có thể không đủ. Nếu thấy PL bỏ task implement, cần tăng thời gian Quản lý cho PL trong Sprint tiếp theo. |
| **Recovery (Phục hồi)** | Nếu team thường xuyên không đạt được $28.5\text{h}/\text{24.5h}$ (Capacity An toàn), hãy kiểm tra: 1) Hoạt động phát sinh nào đang chiếm quá nhiều thời gian? 2) $15\%$ Buffer có đủ không? 3) Giảm $1.5\text{h}$ thời gian Tìm hiểu AI nếu cần thiết. |

### 2. 📝 Nguyên tắc Vận hành (Operating Principles)

* **Tính minh bạch (Transparency):** Team phải hiểu rõ $40\text{h}$ của họ được phân bổ như thế nào (chi tiết như Bảng 1 và 2).
* **Buffer là Ưu tiên:** Thời gian Buffer không phải là thời gian rảnh. Nó là $4.0\text{h}$ đến $6.0\text{h}$ được *dự trữ* cho các gián đoạn không rõ ràng. **Nếu không có gián đoạn, thời gian Buffer sẽ được dành cho:**
  + Cải thiện chất lượng (Refactoring).
  + Hỗ trợ đồng nghiệp (Pair Programming).
  + Bắt đầu task của Sprint tiếp theo (Scope Ahead).
* **Velocity > Capacity:** $28.5\text{h}$ là **khối lượng công việc** (Workload) được giao, không phải là năng suất thực tế (Velocity) vì $28.5\text{h}$ của Senior sẽ khác với $28.5\text{h}$ của Middle. Hãy dùng **Story Point** để đánh giá *Velocity* thực sự của team.

Bạn muốn tôi tạo một mẫu báo cáo tuần đơn giản để bạn có thể theo dõi sự khác biệt giữa Capacity Kế hoạch và Capacity Thực tế của team không?